

## PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG VÀ ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THAM GIA VƯỜN ƯƠM DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Lê Nguyễn Đoàn Khôi<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Phòng Quản lý Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 19/11/2014

Ngày chấp nhận: 08/06/2015

### Title:

Current situations and demand of participation into technology business incubator - Can Tho University

### Từ khóa:

Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ, khởi sự kinh doanh, nghiên cứu và phát triển

### Keywords:

Research and development, start-up business, technology business incubator

### ABSTRACT

*In the globalization era, innovation and creativity in scientific research and technology transfer are more concerned. Business incubator plays an important role in the development of product commercialization from scientific research results in the University and is the nurture for start-up technology business. This research is aimed to analyze current situations and evaluate demand of participation into technology business incubator - Can Tho University and the orientation of techno-scientific products via University.*

### TÓM TẮT

*Trong tiến trình toàn cầu hóa, chủ đề đổi mới và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ luôn được quan tâm. Vườn ươm doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển các kết quả nghiên cứu khoa học có khả năng thương mại hóa từ các trường đại học và lòng áp cho các doanh nghiệp công nghệ khởi nghiệp. Nghiên cứu này trình bày phân tích thực trạng và đánh giá nhu cầu tham gia vào vườn ươm doanh nghiệp và định hướng phát triển sản phẩm khoa học công nghệ từ trường đại học.*

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nền kinh tế hiện nay, doanh nghiệp giữ một vị trí đặc biệt. Đây là bộ phận chủ yếu tạo ra tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và là nhân tố chủ chốt thúc đẩy kinh tế phát triển. Đặc biệt đối với nước Việt Nam hầu hết đều là doanh nghiệp vừa và nhỏ/siêu nhỏ, thường gặp một số vấn đề về công nghệ sản xuất cũng như dịch vụ kinh doanh, cũng như không có khả năng đầu tư nhiều về khâu nghiên cứu và phát triển (R&D), chiến lược kinh doanh và cơ sở vật chất để hoạt động, từ đó dẫn đến việc có ý tưởng kinh doanh nhưng khả năng không thể thực hiện được. Chính vì thế, hiện nay có rất nhiều hình thức hỗ trợ các doanh nghiệp này, một trong số đó là mô hình vườn ươm doanh nghiệp ở các trường đại học, viện nghiên cứu, hoặc các trung tâm công nghệ cao, các hiệp hội nghề... Đặc biệt là các trường đại học, họ xem ươm tạo

doanh nghiệp là một hình thức quan trọng để chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho thực tiễn với hoạt động đào tạo và hoạt động này không vì mục đích lợi nhuận, thông qua việc ươm tạo giúp doanh nghiệp thiết lập và vận hành hiệu quả, cho phép doanh nghiệp đủ lớn mạnh, đủ năng lực cạnh tranh để đứng vững và phát triển trên thị trường.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Cơ sở lý thuyết

#### 2.1.1 Vườn ươm doanh nghiệp

Theo Hiệp hội quốc gia Mỹ (NBIA)<sup>1</sup> thì Vườn ươm doanh nghiệp (VUDN) là nơi nuôi dưỡng doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp sống sót và

<sup>1</sup> NBIA là một tổ chức tư nhân hoạt động phi lợi nhuận có trụ sở tại Athens, Ohio, Mỹ

trường thành trong giai đoạn khởi nghiệp thông qua cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh và các nguồn lực cần thiết. Bên cạnh đó, theo định nghĩa của tổ chức phát triển công nghiệp của Liên hiệp quốc<sup>2</sup> thì VUDN là tổ chức tiến hành một cách hệ thống quá trình tạo dựng các doanh nghiệp mới, cung cấp cho các doanh nghiệp này một hệ thống toàn diện và thích hợp các dịch vụ để hoạt động thành công. Bổ sung quan điểm theo ủy ban Châu Âu (EU)<sup>3</sup> thì cho rằng VUDN là một khu vực có kết cấu hạ tầng, trong đó các doanh nghiệp mới khởi sự hoạt động tại một diện tích hạn chế, nhưng có thể điều chỉnh và mở rộng được theo kiểu mô-đun, sử dụng các dịch vụ liên quan đến hạ tầng, cơ sở quản lý, ban thư ký và các nhân viên giúp việc. Theo tổ chức Doanh nghiệp và Thương mại của New Zealand<sup>4</sup> VUDN là một công cụ hỗ trợ được thiết kế để hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn đầu thành lập thông qua cung cấp tòa nhà dùng chung, tư vấn kinh doanh, các dịch vụ kinh doanh, mạng lưới và một cán bộ quản lý làm việc toàn bộ thời gian. Khoảng thời gian ươm tạo cho mỗi doanh nghiệp thông thường từ 1 đến 3 năm.

Mun Hou Chew<sup>5</sup> lại chỉ ra VUDN là một công cụ hữu hiệu giúp đỡ các doanh nhân thành lập doanh nghiệp thông qua liên kết chặt chẽ về nhân lực, công nghệ, vốn và tri thức. Bên cạnh đó, VUDN là tập hợp các kết cấu hạ tầng cần thiết, không thể thiếu được cho hoạt động sản xuất như năng lượng, nước sạch, viễn thông, giao thông, xử lý chất thải... mặt khác còn cung cấp các dịch vụ tư vấn mà ngày nay đã trở thành một yếu tố không thể thiếu được cho hoạt động thành công của một doanh nghiệp. Tại Việt Nam, VUDN<sup>6</sup> là một mô hình hỗ trợ doanh nghiệp toàn diện được thiết kế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp

khởi sự và mới được thành lập phát triển thông qua cung cấp các dịch vụ dùng chung, đào tạo, hỗ trợ tài chính, trang thiết bị và nhà xưởng để các doanh nghiệp phát triển.

Hình 1 thể hiện tiến trình phát triển khái niệm vườn ươm. Ban đầu, chỉ có 12 VUDN ở Bắc Mỹ, sau đó các VUDN phát triển mạnh ở Mỹ và lan sang các quốc gia ở Châu Âu, sau đó Châu Á và Châu Mỹ La Tinh trong thập kỷ 90. VUDN xuất hiện từ năm 1959 tại Mỹ gắn với sự kiện Mann Library Joe người Mỹ thành lập vườn ươm công nghiệp đầu tiên ở New York. Đến cuối năm 1998, trên thế giới có hơn 3.300 vườn ươm công nghiệp, trong đó Mỹ có 750, Châu Âu có 2.334. Nhiều quốc gia đang phát triển và quốc gia chuyển đổi kinh tế cũng ra sức phát triển vườn ươm công nghiệp, hiện tại Brazil có 50, Nga có 35, Ba Lan có 30, Trung Quốc có trên 100.

Mỹ là quốc gia có số lượng VUDN phát triển nhanh nhất, từ dưới 100 VUDN năm 1998 tăng lên khoảng gần 1.000 VUDN năm 2002. Đây là số vườn ươm lớn nhất thế giới vào thời điểm đó và trên nhiều phương diện, Mỹ là quốc gia dẫn đầu về phát triển VUDN trên thế giới. Ngoài số VUDN do các chính quyền địa phương và các tổ chức thành lập, khoảng 20% vườn ươm công nghệ Mỹ liên kết thành lập với các trường đại học và các công viên nghiên cứu Stanford bắt đầu từ năm 1951, các chương trình phát triển kinh tế của liên bang và các địa phương đã nhân rộng các mô hình thành công này dưới hình thức liên kết công – tư. Bên cạnh đó, nhiều vườn ươm được trường đại học thành lập như Trường đại học California, Berkeley, Wisconsin...

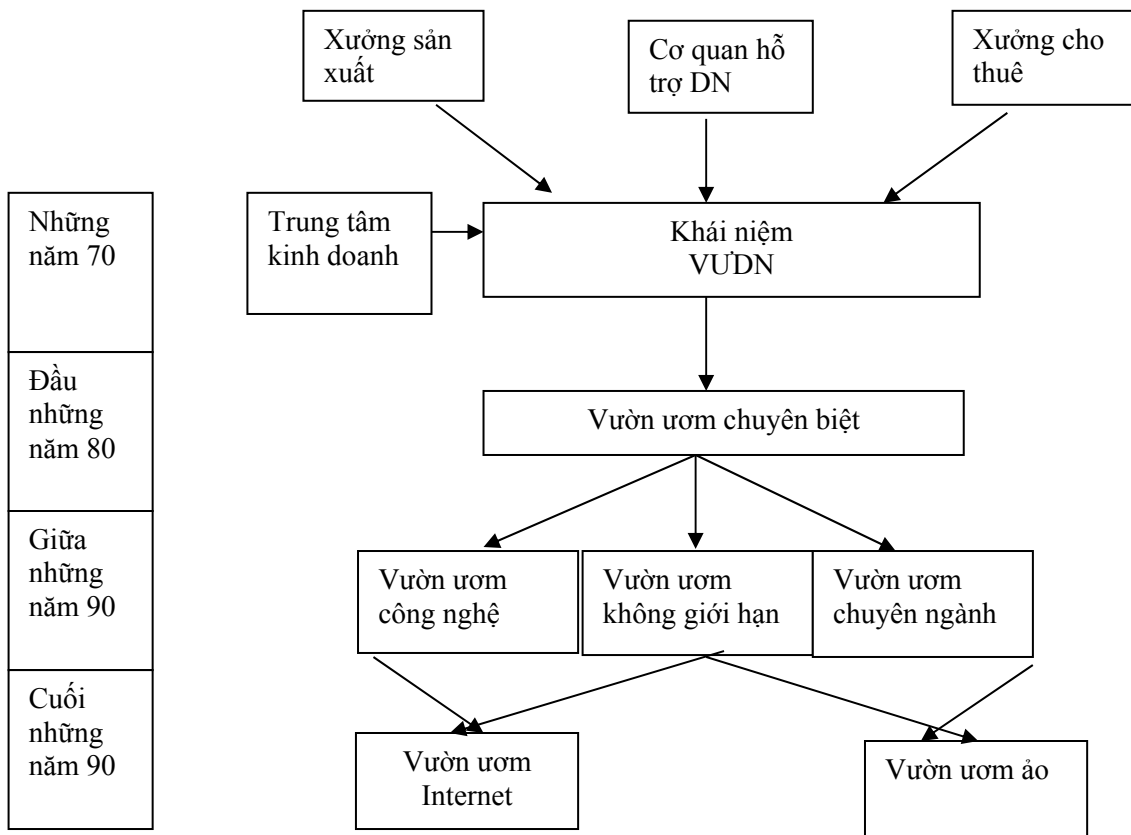
<sup>2</sup> <http://www.unido.org/en/doc/3736>, UNIDO/ Business incubators

<sup>3</sup> [http://ec.europa.eu/enterprise/entrepreneurship/support\\_measures/incubators/index.htm](http://ec.europa.eu/enterprise/entrepreneurship/support_measures/incubators/index.htm)

<sup>4</sup> <http://www.nzte.govt.nz>

<sup>5</sup> Mun Hou Chew, iAxil Pte Ltd, Diễn đàn về VUDN, 2005

<sup>6</sup> Theo báo cáo tại Hội thảo về “Doanh nghiệp nhỏ và vừa” của Ban nghiên cứu Thủ tướng chính phủ ngày 24/09/1999



**Hình 1: Tiến trình phát triển khái niệm vườn ươm**

Nguồn: Marisela Gonzalez and Rafael Lucea (2001), *The evolution of business incubation*

**2.1.2 Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ (Technology Business Incubation – TBI)**

Đây là loại hình VUDN đặc biệt, chuyên ươm tạo các các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao và có khái niệm hẹp hơn VUDN.

Theo Tổ chức Phát triển Công nghiệp<sup>7</sup> thì TBI là một tổ chức tiến hành một cách hệ thống quá trình tạo dựng các doanh nghiệp mới, cung cấp cho các doanh nghiệp này một hệ thống toàn diện và thích hợp các dịch vụ để hoạt động thành công.

Ở Việt Nam hoạt động ươm tạo doanh nghiệp công nghệ trợ giúp tổ chức, cá nhân có sở hữu công nghệ thành lập doanh nghiệp, và VUDN công nghệ là nơi có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cung cấp dịch vụ, hỗ trợ cần thiết để ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp công nghệ.

Sự khác biệt so với VUDN thông thường ở một số điểm có mối liên kết chặt chẽ với các đối tác

chiến lược trong hoạt động, đặc biệt có sự cam kết bảo trợ, hợp tác mạnh mẽ của các trường đại học, viện nghiên cứu khoa học công nghệ, được thành lập trong trường đại học kỹ thuật, trung tâm công nghệ, khu công nghệ cao<sup>8</sup> hay gần nơi có nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật. Và được giám sát, điều hành bởi các chuyên gia có kinh nghiệm phát triển doanh nghiệp công nghệ, thường cung cấp các dịch vụ chuyên môn kỹ thuật và các thiết bị chuyên dùng, các phòng thí nghiệm... Các trung tâm ươm tạo công nghệ này giúp cho các doanh nghiệp phát triển hoạt động kinh doanh và cho ra đời các sản phẩm dựa trên công nghệ. Các VUDN công nghệ này ươm tạo ra các công nghệ mới hay bí quyết công nghệ mới, khả thi, đủ sức mạnh cạnh tranh trên thị trường khi được sản xuất thành phẩm và có khả năng thương mại hóa.

<sup>7</sup> <http://www.bachkhoadanang.net>

<sup>8</sup> [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=81138](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=81138)

**2.2 Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ trong trường đại học**

Ở Việt Nam, các vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cũng đã được hình thành và tồn tại trong trường đại học với thời gian hoạt động chỉ mới từ 1 đến 5 năm, nói chung vẫn còn tương đối hạn chế về số lượng (Hùng, 2008). Nhìn chung, các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp này vẫn còn đang trong giai đoạn đầu phát triển, nhưng cũng đã có một số cơ sở bắt đầu hoạt động có hiệu quả như: Vườn ươm công nghệ FPT, Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ

Tinh Vân, Vườn ươm CRC (Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội), Vườn ươm Phú Thọ (Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh), Vườn ươm doanh nghiệp chế biến thực phẩm Hà Nội (HBI), Vườn ươm doanh nghiệp phần mềm thành phố Hồ Chí Minh (SBI), Trung tâm ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao Hoà Lạc (Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hoà Lạc), trung tâm ươm tạo doanh nghiệp công nghệ Đại học Nông Lâm (Độ và Tuấn, 2009). Bảng 1 thể hiện thực trạng vườn ươm doanh nghiệp tại Việt Nam.

**Bảng 1: Thực trạng vườn ươm doanh nghiệp tại Việt Nam**

Tên vườn ươm	Thời gian thành lập	Địa điểm	Tổ chức tài trợ/thực hiện	Lĩnh vực ươm tạo
1.VUĐN chế biến & đóng gói thực phẩm Hà Nội (HBI)	2006	Hà Nội	EU, Bộ KH&ĐT, UBND Tp.Hà Nội, Tổng công ty thương mại HN	Chế biến & đóng gói thực phẩm
2.VUĐN phần mềm Quang Trung (SBI)	2006	TP. Hồ Chí Minh	EU, Bộ KH&ĐT, UBND Tp. HCM, Hiệp hội tin học Tp. HCM	Công nghệ phần mềm, bao gồm hoạt động thiết kế, sản phẩm và dịch vụ phần mềm
3. VUĐN FPT	2005	Hà Nội	Công ty FPT	Công nghệ thông tin, sinh học
4. TTVU Tinh Vân	2005	Hà Nội	Công ty tin học Tinh Vân	Công nghệ thông tin
5. VUĐN Công nghệ Phú Thọ	2006	Tp. HCM	Đại học Bách khoa Tp.HCM, sở khoa học công nghệ Tp. HCM	Cơ khí, điện – điện tử - viễn thông, công nghệ hóa học – thực phẩm, công nghệ sinh học, và công nghệ vật liệu
6. VUĐN CRC	2004	Hà Nội	Trung tâm NC&TV về quản lý ĐH Bách Khoa Hà Nội	Công nghệ thông tin
7. Trung tâm UTDN CNC Hoà Lạc	2006	Hà Nội	Bộ KH&CN, Tổ chức phát triển và Nâng cao năng lực Quốc tế Đức	Công nghệ thông tin truyền thông; Công nghệ sinh học; Công nghệ vi điện tử, cơ khí chính xác, cơ – điện tử, quan điện tử và tự động hóa
8. VUĐN Công nghệ cao Tp.HCM (SHTP)	2002	TP. HCM	Ban quản lý khu vực công nghệ cao	Công nghệ thông tin viễn thông, cơ điện tử, tự động hóa, vi điện tử, công nghệ nano, vật liệu mới, năng lượng
9. Trung tâm ươm tạo DNCN trường ĐH Nông Lâm	2007	Tp. HCM	Sở KHCN, Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM	Ươm tạo các ý tưởng trong lĩnh vực công nghệ nông nghiệp
10. Trung tâm ươm tạo DNCN trường ĐH Cần Thơ	2014	TP.Cần Thơ	Sở KHCN, Trường ĐH Cần Thơ TP. Cần Thơ	Ươm tạo sản phẩm khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, CNSH

Nguồn: Tác giả tổng hợp 2014

### 3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu trong đề tài này là các DNVVN ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long theo tiêu chí phân loại DNVVN dựa vào nghị định số 56/2009/NĐ-CP. Nội dung nghiên cứu là tìm hiểu nhu cầu ươm tạo của các doanh nghiệp ở ĐBSCL và khả năng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp ươm tạo của Trung tâm ươm tạo DNCN – Trường ĐHTC.

#### Phương pháp thu thập số liệu

##### Số liệu thứ cấp

- Các đề tài, dự án nghiên cứu, tài liệu hội thảo có liên quan đến vấn đề thành lập vườn ươm doanh nghiệp công nghệ ở các trường đại học.
- Thông tin từ các website, tạp chí có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

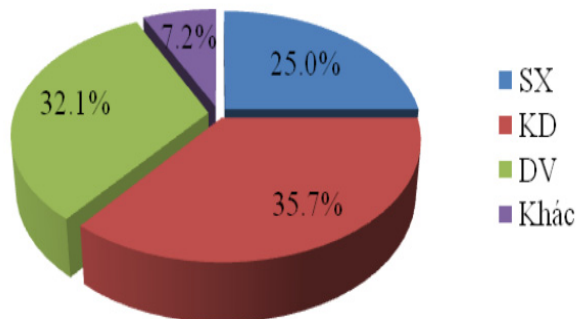
##### Số liệu sơ cấp

Đề tài sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện và phỏng vấn bằng thư tín để thu thập số liệu sơ cấp. Đối tượng thu thập là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang hoạt động ở các tỉnh ĐBSCL. Kết quả khảo sát 200 DNNVV thuộc khu vực ĐBSCL.

### 4 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Các doanh nghiệp được khảo sát bao gồm các nhóm doanh nghiệp đại diện cho các DNVVN ở các tỉnh ĐBSCL tại 4 tỉnh là Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang, và Đồng Tháp. Mỗi tỉnh số mẫu quan sát là 50 doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp này chủ yếu hoạt động trong ba lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Hình 2 cho thấy các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát phần lớn hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh (chiếm 35.7% doanh nghiệp trong mẫu khảo sát) và dịch vụ (chiếm 32.1% doanh nghiệp trong mẫu), lĩnh vực sản xuất cũng chiếm phần trăm tương đối trong mẫu khảo sát.



**Hình 2: Doanh nghiệp được phỏng vấn theo đối tượng kinh doanh**

Nguồn: Phòng vấn trực tiếp 2014

Một số loại hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong mẫu quan sát bao gồm:

- Sản xuất: Bao bì giấy, pha chế xăng, cơ khí, xi măng, may mặc, nông sản và thuốc thú y.
- Kinh doanh: Xi măng, điện, mía đường, điện tử, bất động sản.
- Dịch vụ: Tư vấn dịch vụ, nhà đất, bệnh viện, bảo hiểm, ngân hàng, hàng không.
- Khác: Quản lý dự án đầu tư, đầu tư xây dựng.

#### Nhu cầu ươm tạo của các doanh nghiệp

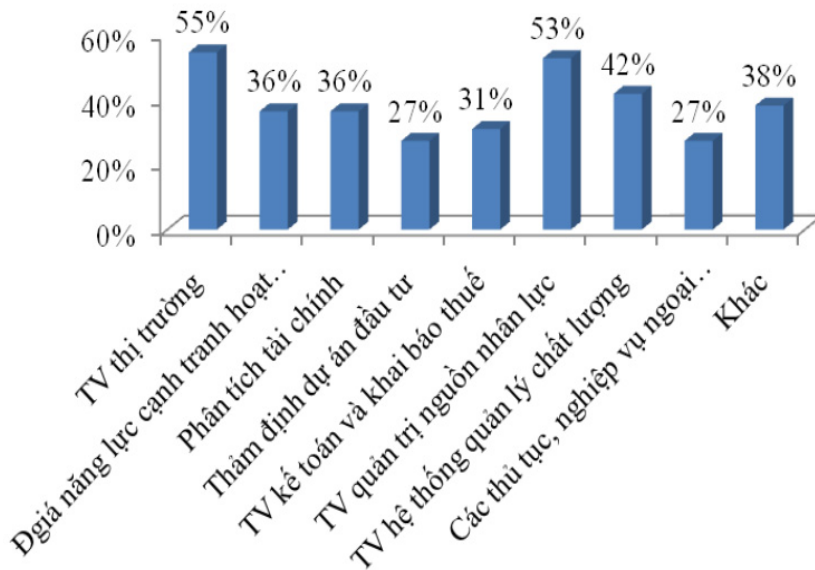
Theo đánh giá của các chuyên gia và theo số liệu thống kê trên thế giới cho thấy việc ươm tạo sẽ tăng khả năng sống sót của doanh nghiệp mới thành lập sau 5 năm từ 10% (không được ươm tạo) lên đến 30-40% (được ươm tạo)<sup>9</sup>. Qua kết quả khảo sát 2014, cho thấy các DNVVN ở các tỉnh ĐBSCL cũng có nhu cầu về các dịch vụ ươm tạo cao.

Cụ thể, kết quả khảo sát (2014) chỉ ra trên 60% doanh nghiệp có nhu cầu về các dịch vụ tư vấn. Trong đó nhu cầu của các doanh nghiệp về tư vấn thị trường và tư vấn quản trị nguồn nhân lực là khá cao (có trên 50% doanh nghiệp có nhu cầu về hai

<sup>9</sup> [http://www.hbi.vn/?module=news\\_detail&id=2](http://www.hbi.vn/?module=news_detail&id=2)

loại hình tư vấn này). Điều này cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở ĐBSCL còn yếu kém về thông tin thị trường và quản trị nguồn nhân lực. Do đa phần (75%) các doanh nghiệp trong đợt khảo sát chủ yếu là các doanh nghiệp mới thành lập và chỉ mới đi vào hoạt động trong thời gian ngắn nên rất cần hỗ trợ tư vấn về mặt thông tin thị trường và cũng thiếu kinh nghiệm về quản trị nguồn nhân lực cho nên nhu cầu về hai loại hình tư vấn này cao

hơn các loại hình tư vấn khác. Bên cạnh đó, nhu cầu về các loại hình tư vấn khác như: Đánh giá lợi thế cạnh tranh, Phân tích tài chính, Tư vấn kế toán và khai báo thuế... cũng khá cao. Các dịch vụ tư vấn này rất cần cho các doanh nghiệp mới thành lập vì họ không đủ kỹ năng, kiến thức, thông tin để thực hiện các vấn đề về pháp lý, thủ tục, kế toán, hoặc các thủ tục về thuế,...



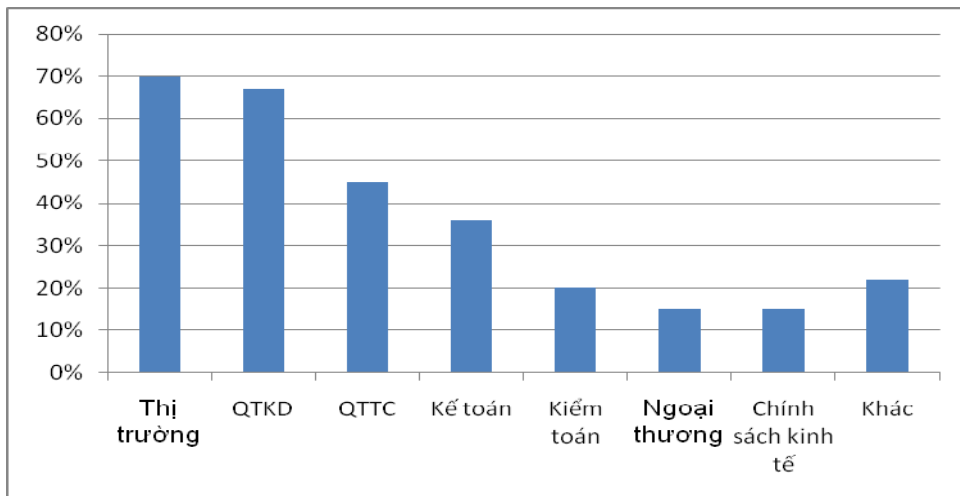
**Hình 3: Nhu cầu tư vấn của doanh nghiệp trong vườn ươm DNCN**

Nguồn: Phòng vấn trực tiếp 2014

*Nhu cầu tập huấn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ*

Hiện nay, rất nhiều doanh nghiệp đã mời các trường đến tận công ty để tập huấn nâng cao năng lực cán bộ. Đây là một việc làm rất thiết thực, có ý nghĩa, giúp cả hai bên chủ động được công tác đào tạo, đào tạo được đúng người, đúng việc và có hiệu quả. Trong nền kinh tế hội nhập như hiện nay đã mở ra những cơ hội mới, song cũng đặt ra không ít những thách thức và khó khăn. Trong đó, sự cạnh

tranh trong lĩnh vực kinh tế ngày càng quyết liệt và gay gắt mà lợi thế cạnh tranh thuộc về doanh nghiệp nào có nguồn nhân lực chất lượng cao. Đối với Việt Nam phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao chính là chìa khóa để phát triển nền kinh tế. Điều này đã trở thành yếu tố cơ bản trong việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đảm bảo tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững đất nước. Vì thế, nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực của các doanh nghiệp hiện nay được ưu tiên hàng đầu.



**Hình 4: Nhu cầu tập huấn của DNVVN**

*Nguồn: Phỏng vấn trực tiếp 2014*

Số liệu điều tra 2014 cho thấy, có hơn 70% doanh nghiệp có nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực, trong đó nhu cầu đào tạo về lĩnh vực marketing và quản trị kinh doanh là rất cao. Có gần 70% doanh nghiệp có nhu cầu về hai lĩnh vực này, điều này có thể thấy chất lượng nguồn nhân lực của các doanh nghiệp chưa đáp ứng được nền kinh tế hiện nay đặt biệt là lĩnh vực quản trị và marketing vì thế mà nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực đối với hai loại hình này là khá cao. Bên cạnh đó, loại hình đào tạo về quản trị tài chính, kế toán, kiểm toán, ngoại thương và chính sách kinh tế cũng là các loại hình đào tạo mà các doanh nghiệp đang rất cần.

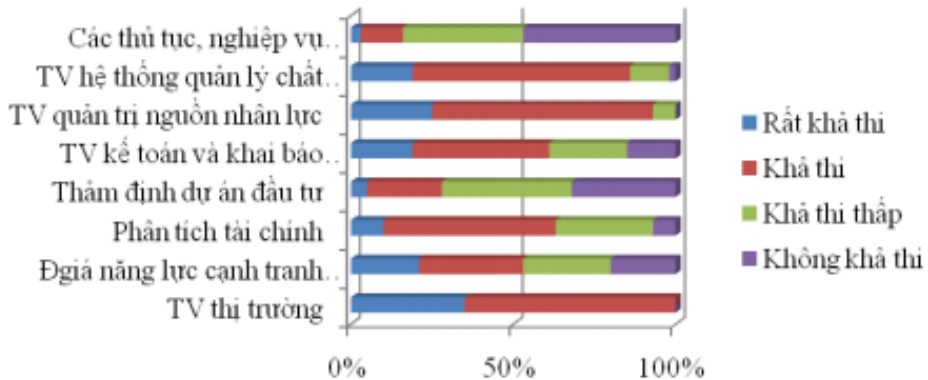
*Mức độ khả thi của các loại hình tư vấn uơng tạo doanh nghiệp*

Trong đợt khảo sát, khi được yêu cầu đánh giá mức độ khả thi của từng loại hình dịch vụ tư vấn. Các doanh nghiệp đánh giá khá cao loại hình tư vấn thị trường và tư vấn quản trị nguồn nhân lực (90%), họ cho rằng hai loại hình này có mức độ khả thi rất cao, do trên thị trường hiện nay có nhu cầu cao đối với các dịch vụ này. Tiếp đó là loại dịch vụ tư vấn quản lý chất lượng, phân tích tài chính, tư vấn kế toán và khai báo thuế cũng được các doanh nghiệp đánh giá là khả thi (70%) (Hình 5).

Hai loại hình tư vấn được các doanh nghiệp đánh giá khá thấp là dịch vụ tư vấn các thủ tục (30%), nghiệp vụ ngoại thương (20%), và tư vấn thẩm định dự án đầu tư (25%). Họ cho rằng hai loại hình tư vấn có tính khả thi tương đối thấp.

Tuy nhiên, Các doanh nghiệp đánh giá mức độ khả thi của các dịch vụ dựa trên nhu cầu sử dụng của cá nhân doanh nghiệp, nguyên nhân một phần là do các doanh nghiệp trong đợt khảo sát không có nhu cầu trực tiếp đối với các dịch vụ tư vấn này. Ví dụ như đối với dịch vụ tư vấn về các thủ tục nghiệp vụ ngoại thương được các doanh nghiệp đánh giá không khả thi một phần nguyên nhân là do đa phần các doanh nghiệp trong đợt khảo sát chủ yếu hoạt động kinh doanh nội địa, ít có doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu vì vậy nhu cầu đối với dịch vụ này là không cao.

Trong thời gian tới, khi các DNVVN ở các tỉnh ĐBSCL mở rộng phát triển mạng lưới kinh doanh, việc hội nhập kinh tế là tất yếu thì nhu cầu đối với dịch vụ tư vấn này sẽ tăng lên. Mức độ khả thi được dựa vào 4 mức độ đánh giá của DNNVV (1: Không khả thi, 2: Khả thi thấp, 3: Khả thi; 4: Rất khả thi). Tùy vào việc đánh giá cho từng loại hình tư vấn, số liệu ở Hình 5 thể hiện kết quả điều tra DNNVV.



**Hình 5: Mức độ khả thi của các loại hình tư vấn ươm tạo DNVVN**

Nguồn: Phòng vấn trực tiếp 2014

### 5 KẾT LUẬN

Nhìn chung, hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các tỉnh ĐBSCL hiện đang gặp phải rất nhiều khó khăn và trở ngại (Kết quả điều tra, 2014). Các doanh nghiệp hiện chưa nhận được sự giúp đỡ từ địa phương, đặc biệt hiện chưa có một mô hình vườn ươm doanh nghiệp nào được xây dựng nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp ở các tỉnh ĐBSCL vượt qua những khó khăn và giúp tăng khả năng sống sót của các doanh nghiệp mới khởi sự.

Qua số liệu điều tra 2014 cho thấy, hầu hết các doanh nghiệp ở các tỉnh ĐBSCL có nhu cầu về các dịch vụ kinh doanh ở mức độ khác nhau, nhưng nhìn chung các doanh nghiệp có nhu cầu cao đối với các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của doanh nghiệp, vì các dịch vụ này sẽ hỗ trợ cho việc phát triển doanh nghiệp bền vững trong tương lai. Một số doanh nghiệp cũng đã từng sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nhưng mức độ cung cấp dịch vụ và chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Qua kết quả khảo sát 2014, các doanh nghiệp đánh giá các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh có tính khả thi cao. Nhìn chung, có thể xây dựng một mô hình vườn ươm doanh nghiệp trong đó cung cấp các dịch vụ tạo doanh nghiệp như đã phân tích trên nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp vừa

và nhỏ ở các tỉnh ĐBSCL vượt qua những khó khăn và phát triển bền vững.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Nguyên Hùng và Trương Thị Thùy Trang (2006), Xây dựng mô hình vườn ươm doanh nghiệp công nghệ (TBI) trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh – Mô hình vườn ươm trong trường đại học, Đề tài khoa học công nghệ cấp Thành phố - Sở Khoa học – Công nghệ TP. Hồ Chí Minh.
2. Hồ Sỹ Hùng (2008), Vườn ươm doanh nghiệp (Business incubator) ở Việt Nam xây dựng và phát triển, Nhà xuất bản chính trị - Hành chính.
3. Nguyễn Thành Độ và Nguyễn Anh Tuấn (2009), Hoạt động ươm tạo doanh nghiệp trong trường đại học ở Việt Nam, Nhà xuất bản đại học kinh tế quốc dân Hà Nội.
4. [http://www.hbi.vn/?module=news\\_detail&id=2](http://www.hbi.vn/?module=news_detail&id=2) [Ngày truy cập: 30 tháng 11 năm 2014].
5. <http://www.unido.org/en/doc/3736> [Ngày truy cập: 20 tháng 10 năm 2014].
6. [http://ec.europa.eu/eenterprise/entrepreneurship/support\\_measures/incubators/index.htm](http://ec.europa.eu/eenterprise/entrepreneurship/support_measures/incubators/index.htm) [Ngày truy cập: 15 tháng 08 năm 2014].